

# THÀNH DUY THỨC LUẬN LIỄU NGHĨA ĐĂNG

## QUYỂN 4 (PHẦN ĐẦU)

**Luận:** Xúc nghĩa là ba hòa hợp phân biệt, biến dị v.v... nói rõ thể nghiệp nó.

**Hỏi:** Vì sao tâm vương chỉ nói rõ tự tánh, hành tướng, không nói tác nghiệp? Tâm sở tức là nói rõ tác nghiệp, tự tánh, không nói hành tướng?

**Đáp:** Hồ tướng ảnh hiện, hoặc đã lược rõ ràng, nên nay không nói. Quyển 2 trước ghi: “Thức, thọ, tướng v.v... liễu biệt, lãnh nạp v.v... hành tướng đều khác nhau”. Chỉ nương thọ v.v... là xúc nghiệp, cũng ảnh hiện thức làm chỗ nương khác, tức là thức tác nghiệp.

**Hỏi:** Tâm, tâm sở pháp vi tế ẩn khó biết, hoặc do tác dụng hoặc do hành tướng mà hiển bày tự thể, tác dụng và hành tướng lại có gì khác nhau?

**Đáp:** Hành tướng hiển bày tự nhận lấy công năng của cảnh, tác dụng hiển bày nương theo công năng khác, nhưng tâm vương phần nhiều đã do hành tướng hiển bày tự thể, tâm sở bất định, tác ý cảnh giác tâm, suy nghĩ khiến cho tạo tác, chẳng phải dụng của duyên cảnh, thọ lãnh thuận trái, tướng nhận lấy cảnh tượng, đây tức là duyên dụng, hiểu rõ hành tướng của thức, tức là liễu biệt, liễu biệt tức là chỗ nhiếp của kiến phần. Quyển 1 ghi: “Thức nghĩa là liễu biệt tức là dùng hành tướng hiển bày ở nơi tự thể”. Quyển 2 dẫn cõi vô thỉ đến nay v.v... tức là hiển bày cùng với người khác làm dụng nhân duyên, tức là tác dụng ở nơi tự thể.

**Luận:** Nên dùng tác dụng mà hiển bày nó.

**Hỏi:** Nếu dùng liễu biệt tức là hiển bày tự, vì sao xúc v.v... cũng gọi là liễu? Quyển 5 sau ghi: “Tác ý rõ ràng, đây là chỗ chưa rõ được tướng?”

Đáp: Đồng một liễu nói, mỗi mỗi hiển bày tự, đây có phương hại gì? Nếu không như vậy trái với chỗ nói thứ hai trước.

**Luận kia nói:** Liễu biệt, lãnh nạp v.v... hành tướng đều khác nhau.

Đáp: Liễu có hai nghĩa: một là duyên cảnh gọi là liễu, thông với tâm và sở; hai là hành tướng liễu biệt, chẳng phải chỗ chỉ tâm vương mà tác ý v.v... cũng nói liễu, nói duyên cảnh liễu, chẳng phải hành tướng liễu, hoặc có đơn giản, phức tạp, đơn giản nói liễu tức là thông với tâm vương tâm sở, nói liễu biệt chẳng phải chỗ chỉ tâm vương, thức trước chỉ nói rằng liễu, do văn tụng chặt hẹp lược bỏ chữ “khác”, sau giải thích mới nói liễu, nghĩa là liễu biệt, hoặc rộng rõ ràng duyên tâm vương tâm sở đều rõ, nói rõ biệt hành tướng liễu chẳng phải tâm sở.

Hỏi: Vì sao tâm vương, tâm sở hoặc nhận lấy liễu cảnh, hoặc còn lại tác dụng mà hiển bày tự tánh?

Đáp: Người tạo luận, ý tùy nêu một thứ, hoặc thành tựu hiển bày rõ ràng, không thể một chuẩn theo.

Hỏi: Đồng nêu tác dụng, do hiển bày tánh nghiệp, hai dụng vì sao khác nhau?

Đáp: Có người nói gần gũi dụng hiển bày tánh, gần dụng hiển bày nghiệp, gần xa trong ngoài tự tha cũng như vậy.

**Yếu Tập ghi:** “Tác dụng có hai: một là chỉ tự dụng, hai là thông tha dụng”, chỉ tự hiển bày tánh, thông với tha hiển bày nghiệp, nay cho rằng bất định, như xúc thuận sinh tâm sở, công năng do hiển bày tự thức, cũng có thể tự như căn cảnh thuận sinh, tức là thông với tha, tuy chung là xúc tự tánh. Vả lại nêu hòa hợp khiến cho đồng xúc cảnh làm xúc tự tánh, chẳng phải cho rằng ba hòa hợp phân biệt, biến dị, chẳng phải xúc tự tánh, chính do đây v.v... nói rõ tự tánh, tác ý dẫn tâm khiến cho hướng đến ở nơi cảnh, đây tức là chỉ tự nêu một ví dụ khác, nếu nói: Căn cứ theo tâm sở nói, vì sao không lựa ra? Lại thông với khác hiển bày lỗi của nghiệp, cũng chưa lìa, từ phần nhiều có thể như vậy.

Tây Minh nói: Liễu là thông với hành tướng, tâm vương tâm sở đều có, như quyển 5 nói, nay cho rằng không đúng, nếu đồng liễu biệt vì sao lần lượt sau vặn hỏi luận sư thứ ba.

Nói: Chớ xúc v.v... năm cũng có thể liễu biệt, nên biết liễu biệt chẳng phải thông với hành tướng; nên giải thích như trước.

Hỏi: Xúc tự như ba thuận sinh tự kia là xúc tánh, cũng sẽ quả của tự nhân đều là xúc tự tánh. Nếu không như vậy, vì sao vặn hỏi tha quả của tự nhân, lẽ ra đều thọ tánh.

Đáp: Không chỉ lãnh tự gọi là xúc tự tánh, lại có dụng khác, kia chỉ tự nhân, gọi là thọ tự tánh, nên tạo tác là vận hồi.

Hỏi: Xúc nghĩa là ba hòa hợp hợp, tức là từ nhân quả làm tên, phân biệt biến dị tức là có thể tên của lãnh tự đây tức là nói rõ tên, xúc cảnh làm tánh nên bắt đầu hiển bày thể, nay làm chỉ hiển bày thể, làm cả hai nói rõ tên thể.

Đáp: Tuy tự như giải thích, gọi là chính chỉ hiển bày tánh, hoặc gồm nói rõ tên, tầm tên nhận lấy thể, sở dĩ có hai nói rõ, nhưng nương theo ý của luận, chính là nói rõ thể, do lý đầy đủ nhận lấy nghĩa cũng không trái.

Hỏi: Sáu, tám cảnh, căn khác nhau, có thể nói ba hòa hợp hợp sinh, căn thứ bảy cảnh đồng, nên theo hai hòa hợp hợp khởi: một nói rằng có thể như vậy; hai nói: căn cảnh nghĩa khác nhau, cũng là ba hòa hợp hợp khởi. Lại căn cứ theo cực thành nói ba hòa hợp khởi, nương theo lớn không cùng, cũng hai hòa hợp hợp sinh.

Hỏi: Xúc nương theo ba hòa hợp khởi từ kia gọi là ba hòa hợp, thức, thọ, hai, bốn sinh, nên gọi là hai, bốn hòa hợp?

Đáp: Có hai giải thích: một nói: xúc cũng hòa với nó, còn lại không hòa với nó nên không được tên; hai nói: cũng được.

Hỏi: Thức hai hòa hợp khởi được tên hai hòa hợp, thức tác ý sinh sẽ gọi là cảnh giác?

Đáp: Thức từ nó khởi thể cũng hòa hợp, nên được theo đó gọi là hai hòa hợp, từ tác ý sinh chẳng phải cảnh giác, không theo ở nơi kia gọi là cảnh giác.

Hỏi: Tác ý cảnh giác tâm, chủng vị có thể cảnh giác ba hòa hợp khởi xúc, chủng vị ba hòa hợp.

Đáp: Căn thức chủng, vị yếu kém vô dụng chưa phải ba hòa hợp, tánh của tác ý có thể cảnh giác, nên chủng vị khởi dụng.

**Luận:** Tác ý nghĩa là có thể cảnh giác tâm làm tánh là làm chủng vị cảnh giác, làm hiện hành vị.

Đáp: Căn cứ theo lời của các Luận sư, thông với hai vị cảnh giác chủng vị của Sở chẳng phải ở hiện hành. Tây Minh, Yếu Tập đều không đúng. Sở giải thích rằng: Luận hai thuyết thông với chủng tử hiện hành, như luận Ngũ Uẩn ghi: “Nghĩa là có thể khiến cho tâm phát ngộ làm tánh”. Hiển Dương quyển 1 ghi: “Nương theo tâm sở khởi cũng với tâm đều chuyển, tương ưng, động tâm làm thể, dẫn tâm làm nghiệp”. Nếu nương theo Hữu bộ tự có hai thuyết, Tạp Tâm nương theo hiện tại, nên luận kia nói: Nhớ nghĩ là ở nơi duyên phát ngộ. Một ở sinh tướng,

Chánh Lý quyển 11 ghi: “Tác ý chánh hiện tiền nghĩa là chánh khởi gần, hiện tiền tự cảnh, tức là lúc đang sinh sẽ nhập vào hiện tại, nhận lấy nghĩa của tự cảnh”. Đại thừa cũng có hai thuyết: một là nương theo Hiển Dương, hiện tại tác ý, cảnh giác đồng thời tâm của tương ứng, vẫn như trước dẫn; hai là nương theo luận này, kích phát hiện khởi chủng tử của tâm, dẫn hiện khởi tâm, hướng đến cảnh của sở duyên. Nhưng giải thích luận này tự có hai giải thích: một nghĩa là vị lai này tác ý chủng tử, cảnh giác vị lai, nên khởi chủng tử của tâm, do đây khiến cho tâm hướng đến cảnh của tự hiện tại; hai là hiện tại tác ý, cảnh giác hiện tại nên khởi chủng tử của tâm, dẫn tâm hiện tại kia, khiến cho hướng đến tự cảnh. Giải thích này là thù thắng. Nay cho rằng không đúng, nếu nương theo Hữu bộ, Chánh Lý làm chính, tức là luận Tạp Tâm là sẽ sở duyên phát ngộ làm tánh, đồng với Chánh Lý, nếu tức là như luận kia, tức là không phải chánh nghĩa nếu nương theo Đại thừa, cũng chỉ một thuyết, luận Ngũ Uẩn nói: nghĩa là có thể khiến cho tâm, chủng tử của tâm cũng được tên tâm, không nói có thể khiến cho tâm hiện tại phát ngộ tánh. Nếu nương theo Hiển Dương thì từ A-lại-da thức chủng tử đã sinh nương theo tâm sở khởi, cùng với tâm đều chuyển tương ứng, động tâm làm thể. Hai câu đầu lựa ra nghĩa của tông khác, nương theo tâm ban đầu khởi, hiển bày nghĩa của tâm sở, cùng với tâm đều chuyển, lựa ra trước sau sinh tương ứng là lựa ra đồng thời sắc căn, nhân hiểu rõ tâm sở tương ứng với nghĩa, động tâm làm thể mới hiển bày tự thể, động sẽ khởi tâm làm thể, tức là chủng tử tâm. Nếu chánh hiện tại, tức là chánh đã khởi, vì sao gọi sẽ khởi? Tức là đã hiện khởi, lại vì sao cần phải cảnh giác? Nếu cảnh giác khiến cho hiểu rõ đây là tuệ năng cảnh giác khiến cho hướng đến cảnh không khác với nghiệp. Nếu cảnh giác khiến cho khởi, khởi rốt ráo vì sao cần phải cảnh giác? Nếu nói: Tức là thừa nhận hiện phần năng sinh hiện quả, vì sao ngăn ngại hiện tại cảnh giác; đối với tâm không như vậy, vì lúc chủng tử hiện tại sinh hiện tâm, tuy đều ở hiện tại cần phải có thể sinh chưa sinh, nếu lúc có chủng, đã có hiện tại kia, vì sao cần phải chủng tử khởi? Nếu là hiện căn v.v... không phải là khiến cho sinh chỉ làm y trụ, nếu là có thể sinh, nên có căn thời, thường có thức khởi, giống như tác ý có hiện tại có thể cảnh giác, ắt sẽ có tâm.

Nếu nói chủng vị có thể cảnh giác tức là vị lai, vị lai vô thể, vì sao có thể cảnh giác là không đúng. Đại thừa nhân quả thâm diệu là lời, quán sẽ sinh hiện, giả nói vị lai, tuy ở chủng vị cùng sở sinh hiện, cũng chính hiện tại, tông của Hộ Pháp này, không phải lao nhọc khác với

giác, thô quán tức là tợ như hiện cảnh, tế tầm cảnh lý khó thấy, nhưng thuyết của luận Du-già, tác ý nói “vì sao nói hồi chuyển tánh”, tức là luận Hiển Dương đồng, hồi chuyển cùng với động nghĩa ý tương tợ, nên hiểu như trước, không nên ở đây, có Luận sư khác kế chấp, là luận đã phá, nên hồi chuyển chỉ phá Tiểu thừa.

**Luận:** Trong phá chấp, trì tâm khiến cho trụ, các thuyết chỉ phá Đại thừa chấp khác. Tây Minh ban đầu giải cũng phá Tiểu thừa, Yếu Tập cũng chẳng phải Sớ đã nói. Tập luận chỉ nói giữ gìn tâm làm nghiệp. Tập Tập giải thích: thường thường dẫn tâm, là dẫn tên gọi trì, chẳng phải trụ tên gọi trì. Tức là nói thường thường dẫn tâm cùng với kinh luận này đồng, nên không phải phá, nay cho rằng không đúng.

Tập Tập ghi: “Tức là đối với cảnh này, thường thường dẫn tâm, cho nên tâm được định, gọi là được tác ý”, ý của Sớ chỉ dùng lời của luận, tức là đối với cảnh này, thường thường dẫn tâm, tức là nói cảnh này tức là một cảnh, thường thường dẫn tâm, nên đối với một cảnh, thường thường dẫn tâm nói rõ tức là trụ, nếu không như vậy, vì sao lại nói “cho nên tâm được định gọi là được tác ý”, nên ý của Tập Tập nói rõ đây tác ý giữ gìn tâm khiến cho trụ mới bắt đầu được định. Tập luận căn cứ theo tăng, Tập Tập cho rằng làm hết lý, nên nay luận phá, nếu chỉ phá Tiểu thừa, thì bộ nào phán phân quyết định làm thù thắng?

Hỏi: Tưởng tức là thiết lập ra danh ngôn làm nghiệp, vì sao chẳng phải năm nhân?

Đáp: Căn cứ theo luận Tập Tập nói, làm tùy theo thuyết nhân, chẳng phải nói gia hạnh, do tưởng cảnh tượng, mới lập ra danh ngôn, thế này dụng gần, tâm, tứ dụng gần gũi chánh khởi ngữ nên nói làm ngữ hành.

**Luận:** Phú nghĩa là pháp nhiệm chướng ngại Thánh đạo.

Hỏi: Nhiệm pháp chướng ngại Thánh đạo, nói gọi là Hữu phú, bất thiện cũng chướng Thánh đồng gọi là Hữu phú.

Đáp: Căn cứ năng chướng Thánh đạo, bất thiện lẽ ra gọi là phú, chiêu lấy quả thế lực dụng mạnh mẽ, nên không gọi Hữu phú.

Hỏi: Bất thiện chiêu lấy quả báo mạnh mẽ, theo thắng không gọi là phú vô tướng không cảm quả chướng Thánh gọi là Hữu phú.

Đáp: Tự tại nhiệm pháp che lấp, thắng chướng Thánh gọi là Hữu phú, vô tướng báo v.v... che lấp lý vi tế nên không gọi là Hữu phú.

Phần nêu về tâm vương, bốn sư không đồng, thứ ba Nan-đà, nếu chỉ An Tuệ là không như vậy, thông thì có thể như vậy, cứu phá tùy theo nên nói tợ như căn v.v... các Luận sư đều giải thích được thông với

chủng tử, hiện tại, vì lỗi văn thông nhau.

Hỏi: Vả lại sáu năng huân là cộng thành, chủng tử của một bản chất là đều riêng huân tập.

Đáp: Có hai giải thích: một là cùng thành tựu chủng tử của một bản chất, mà tướng thấy chủng tử đều khác nhau; hai là chất cũng đều khác nhau, sau nói là chính.

Hỏi: Đều là nhiều nhân cùng sinh một quả, vì sao sau chánh?

Đáp: Chủng tử đồng một chỗ, có thể cùng sinh quả, năng huân tướng khác nhau đều riêng huân tập chất.

Hỏi: Thọ huân tuy không phải chỗ ở, duyên cảnh đều đồng với tâm vương tâm sở, lúc đã biến đổi căn, cảnh đều có dụng chẳng?

Đáp: Tây Minh nói: Tam Tạng có hai giải thích: một là xúc v.v... đã biến đổi đều không phải thật dụng, cảnh có thể tăng thượng duyên mà chẳng phải là sở duyên; hai là chẳng phải ví dụ, căn là nghĩa tăng thượng, nên chỉ tâm biến đổi, cảnh là nghĩa gần duyên, cũng thông cũng tâm sở, sau giải thích là chính. Nay cho rằng chưa phải như vậy, tâm sở được biến đổi làm sáu sở duyên, lý tức là không chướng, làm cảnh của năm thức, trái với chánh nghĩa, vì Hộ Pháp năm thức không thừa nhận duyên giả. Nếu nói đối Thức thứ sáu nói cũng không đúng. Căn, cảnh, mong nhau vì căn tức là trông mong về năm luận, cảnh là năm cảnh, vì sao đối với sáu thuyết? Tuy truyền Tam Tạng không thấy đồng nghe, hưởng gì giáo nương theo pháp không nương theo người.

**Luận:** Thể tức là vốn có v.v... Sở đặt ra vặn hỏi.

**Yếu Tập ghi:** Có chống chế, Bà-sa chống chế nói: Thấy sắc v.v... dụng không thông với quá khứ, nên ba đời khác nhau. Sư Chánh Lý chống chế, căn cứ theo Đồng loại nhân, nhận lấy quả tác dụng để nói rõ ba đời, còn lại đều là công năng, đây thiết lập ra chống chế kia, ở Sở không dẫn. Nói phá không thành tựu, căn cứ theo nguyên do nào? Nay cho rằng: Nếu Bà-sa chống chế thấy dụng của sắc v.v... không thông với quá khứ, nên ba đời khác nhau, thì năm cảnh của sắc v.v... tuy ở hiện tại, dụng cũng không thấy v.v... nên gọi là quá khứ. Chánh Lý chỉ căn cứ theo nhân của đồng loại, nhận lấy cùng quả, dụng gọi là tác dụng, vì đồng loại thù thắng thì khổ pháp hiển ra không được sinh, thiếu Đồng loại nhân, vì không có tác dụng.

Lại nữa, năm nhân đều là nhân duyên tánh, đều có thể nhận lấy quả, vì sao chẳng phải tác dụng? Nếu chẳng phải tác dụng, nên chẳng phải nhân duyên. Lại luận Bà-sa quyển 10 ghi: “Đẳng vô gián duyên, trừ A-la-hán tâm, tâm sở pháp sau cùng, quá khứ, hiện tại, tâm, tâm sở

pháp khác. Có thuyết nói luận sư khác, cũng làm Đăng vô gián duyên, chỉ quả sau không sinh, luận thì không nên như vậy, vì sao? Đăng vô gián duyên nương theo tác dụng lập ra. Nếu pháp và pháp kia làm ra Đăng vô gián duyên, không phải pháp không phải hữu tình có thể làm ra chướng ngại, khiến cho nó không sinh, thế Đệ nhất pháp chẳng phải tâm sau cùng, sau chẳng phải đồng loại, có thể chẳng phải vô gián, do đây nên biết, Vô học sau tâm, không có tác dụng, tức là không phải tác dụng, vì sao chẳng phải quá khứ, nên trở khó thành. Nhưng chuẩn theo luận Bà-sa, Đăng vô gián duyên quá khứ, cũng có nhận lấy cùng với quả dụng. Quyển 10 kia ghi: “Vì sao Đăng vô gián nói rằng cùng với thứ lớp nghĩa, cùng với tác dụng nghĩa”, đây là cùng với quả, lại nói rằng có thể sinh ra tâm nghĩa, có thể dẫn phát nghĩa, đây nhận lấy quả nghĩa. Lại nói: Có thể dẫn Đăng vô gián pháp gọi là Đăng vô gián duyên, nên biết Đăng vô gián có nghĩa nhận, cho.

**Luận:** Trước nhân diệt vị v.v... có ba giải thích: một là căn cứ theo Đăng vô gián, trước nhân quả diệt, sau niệm thức nhân quả sinh; Hai là căn cứ theo chủng tử, trước chủng tử nhân diệt vị, sau chủng tử quả chính sinh, vì các chủng tử cùng với Thức thứ tám đều sinh diệt, như hai đầu cái cân, dùng ảnh để lược nói, trước chỉ nói nhân diệt, sau chỉ nêu quả sinh, giải thích này là chính.

**Luận:** Quán pháp của hiện tại v.v...

Tây Minh nói: Quán chủng tử pháp hiện tại, có dẫn dụng sau, đối với nhân trên giả lập đương quả, đối nói hiện nhân. Nay cho rằng không đúng, vì sao nói đối với hiện tại trên của nhân chủng tử giả lập đương quả, vì quán nhân hiện tại, gọi là làm đương quả, vì quán nhân hiện tại, có thể có chỗ dẫn, gọi là đương quả, nếu quán nhân hiện tại, gọi là đương quả, quả nhân không khác nhau.

Lại luận rằng: Giả nói rằng thức hiện tại tự tướng kia hiện, nếu quán dẫn sau dụng, nói kia được dẫn, gọi là sẽ quả tức là không nương theo ở nơi trên của nhân hiện tại, giả lập đương quả đã dẫn chẳng phải nhân chỉ là nương theo thức biến đổi làm thành vị lai, giả gọi là đương quả; nương theo hiện tại lập nên là giả lập.

Lại giải thích rằng: Thức hiện tại tức là chủng tử thức, có tự tướng khác trước dẫn sau nên nói nó là tự, mà giả nói đã và đương, chẳng phải quán tâm trên biến đổi, đây cũng không như vậy, vì sao trước quán pháp hiện tại v.v...? Sau nói giả nghĩa là thức hiện tại tự như tướng hiện kia; nếu chẳng phải nương theo đây quán tâm trên thức hiện tại, có tự như tổng hợp, đương tướng hiện, trên chủng tử vì sao có thể tự có, nhưng



lẽ ra cả hai trọng nhân quả, văn hiển bày có thể biết.

Hỏi: Số ghi: Nương theo thức biến đổi tổng hợp, đương, giả lập ba đời, làm đạo lý ba đời, làm Duy thức ba đời, nếu đạo lý ba đời cùng với Duy thức ba đời có gì sai biệt?

Đáp: Không phải tìm tòi nhân quả, tướng thù đáp dẫn biên, chỉ nói việc của quá khứ và ghi nhớ vị lai, các việc có thể sợ hãi, mà tâm biến đổi làm tướng của quá khứ vị lai, đối đãi hai tướng kia nói tên hiện tại, tức là Duy thức, nên cùng với đây khác biệt nhau, lại càng có giải thích nhưng lập ra ba đời, các tông không đồng, như Nhất thuyết bộ. Ba đời chỉ nói đều không phải thật thể, nếu xuất thể đều nương theo pháp lập đời, thế gian là giả, đời cũng là giả, thế gian thật, đời cũng là thật, Đại chúng, Kinh bộ v.v... quá khứ, vị lai là giả, hiện tại là thật. Nếu luận Tát-bà-đa ba đời đều là thật, luận Câu-xá quyển 20 dẫn giáo và lý, lập ra ba đời thật, nhưng thành tựu tông kia có bốn Luận sư khác nhau, nên luận kia tụng: “Trong đây có bốn chủng; loại, tướng, vị, đãi khác; thứ ba theo tác dụng; lập đời là tối thiện”.

1. Pháp Cứu nói do ba loại không đồng ba đời có khác, chẳng phải thể không đồng, như lúc phá kim khí làm ra vật khác, hình sắc tuy có khác nhau, mà hiển bày sắc không khác, hành đối với ba đời chỉ xả loại được loại, chẳng phải xả thể được thể.

2. Diệu Âm nói, do tướng không đồng ba đời có khác. Tướng không đồng, một là trong bất tướng ưng riêng có một loại đời tướng không đồng, ba đời có khác tùy theo một đời tướng hợp, còn lại hai đời tướng ẩn, chẳng phải cho rằng thể là không; hai là tướng của đời có dụng thời tên gọi hợp, tướng tuy không phải dụng mà tùy theo ở nơi pháp, thể nó chẳng phải thông.

3. Thế Hữu nói, do vị không đồng ba đời có khác, chẳng phải thể có khác, như xoay vần một cái thể đặt ở một vị tên một, ở ngàn vị tên ngàn, vị tuy riêng thể không khác.

4. Giác Thiên nói, do quán đối đãi có khác nhau, nên ba đời khác, quán đối đãi sau nên gọi là quá khứ, quán đối đãi trước nên gọi là vị lai, đồng thời quán đối đãi gọi là hiện tại. Câu-xá luận phá Pháp Cứu đã nói chấp pháp chuyển biến, đặt số luận bằng trung. Diệu Âm đã lập tướng của đời tạp loạn, ba đời đều có tướng của ba đời. Giác Thiên đã nói trước sau tướng đối đãi, pháp trong một đời nên có ba đời, nghĩa là đời quá khứ, trước sau sát-na nên gọi quá khứ, vị lai, giữa gọi là hiện tại, chỉ thừa nhận thứ ba nương theo tác dụng lập ra, đời không phải tạp loạn. Luận Bà-sa đồng với luận Câu-xá. Chánh Lý thừa nhận loại khác,



đều phá thuyết của Diệu Âm và Giác Thiên, Đại thừa đã lập hoặc hai hoặc ba, như Sở nói rõ, yếu chỉ của văn không phiền dẫn ra.

Luận Du-già quyển 3 ghi: “Vì sao kiến lập? Nghĩa là các chủng tử không lìa pháp nên như pháp mà kiến lập”, nếu các quả pháp đều đã diệt tướng là quá khứ, có nhân chưa sinh tướng là vị lai, đã sinh chưa diệt tướng là hiện tại.

Luận Du-già quyển 51 ghi: “Quá khứ hành như thế nào? Nghĩa là tướng đã diệt hay, tự tánh đã xả”. Hiện tại hành như thế này? Nghĩa là nhân hiện tại có tự tướng chưa sinh, chưa được tự tánh.

Luận Du-già quyển 52 ghi: “Quá khứ các hành cùng với quả nên có, vị lai các hành nhiếp nhân nên có, vì sao hiện tại các hành ba tướng đã hiển bày: một là quả tánh của quá khứ, hai là nhân tánh của vị lai, ba là tự tướng tương tục không đoạn”.

Lại nói: Đã cùng với quả chủng tử tương tục gọi là quá khứ, nếu chưa cùng với quả đương lai chủng tử tương tục, gọi là hiện tại giới.

Biện Trung Biên quyển 2 ghi: “Nhân quả đã chưa phải dụng”, là nghĩa của đời nên biết.

Giải thích rằng: Nghĩa là đối với nhân quả đều đã thọ dụng, là nghĩa của quá khứ, đều chưa thọ dụng là nghĩa của vị lai, nếu thọ dụng nhân, vị lai đã thọ dụng quả là nghĩa của hiện tại, đây đồng chỉ theo nhân quả chủng tử, hiển bày đời sau khác đều là thuộc về đạo lý ba đời, các thuyết thần thông, tam minh v.v... đều là thần thông ba đời, nay văn luận này, tức là Duy thức ba đời.

Lại nói: Giả nghĩa là hiện thức tự như tướng hiện kia lại tông nói rõ Duy thức, nhưng theo Tây Minh, tự căn cứ theo đạo lý, giải thích nhân quả này, Yếu Tập cũng đồng, trí là lựa chọn.

Hỏi: Pháp có ba tánh giả lập ba đời, nương theo tánh nào?

Đáp: Căn cứ theo thật đạo lý chỉ nương theo y tha, nếu căn cứ tùy theo duyên giả thiết lập là đồng nương theo ba tánh.

**Yếu Tập ghi:** “Viên thành thường trụ, biến kế tánh không, đều không nương theo lập ra ba đời sai biệt”, nay cho rằng khắc phục tánh tuy như vậy, nhưng các kinh luận nương theo giả lập. Vả lại Viên thành thật nương theo thuyên để hiển bày được ba đời, vì sao như mười hai hành, nhân trí minh giác đều đối với bốn Đế quán quá khứ, vị lai, hiện tại, đối với Viên thành thật nếu không nương theo thuyên giả lập ba đời, không thành tựu bốn hành, nên nương theo Viên thành cũng được giả lập, tức là thông với Duy thức, đạo lý hai thứ, nương theo tánh của biến kế cũng được giả lập.

Vì sao như kinh Bát-nhã ghi: “Không phải ngã nhân v.v...”.

Luận của ngài Thiên Thân giải thích, căn cứ theo vọng chấp ngã ba đời chung riêng lập bốn thứ này, tức là nương theo biến kế lập ba đời đây chỉ Duy thức, ba đời chẳng phải khác, nương theo y tha khởi đã lập ba đời, như trước đã dẫn, đã dẫn căn, chỉ hoàn toàn nương theo quán duyên khởi chánh lý, Viên thành chẳng phải duyên khởi, biến khởi tự tánh, nêu lược ra không nói.

**Luận:** Ất sẽ bất thoái khởi phiền não chướng, thoái khởi phiền não, phần vị trước sau, các tông nói khác, nếu Đại chúng bộ v.v... Kiến đạo phiền não có thoái lui, vì đơn đạo, tu ất sẽ không thoái lui, vì nhưng đạo, nếu luận Tát-bà-đa, Kiến đạo phiền não ất sẽ định không thoái lui, vì nhanh chóng đạo, Tu đạo có thoái lui, vì dung dự, nhưng Tu đạo hoặc, trước sáu hành đoạn, sau tám Thánh ất sẽ định không thoái lui. Một là lợi căn, vì hai đạo thế và xuất thế đoạn, lại nếu kinh sinh tức là cũng không thoái lui. Nếu tông của Đại thừa cả hai đều không thoái lui, vì vĩnh viễn đoạn chủng tử, quá khứ, vị lai vô, nhưng Đại thừa nói thoái lui, thoái lui lỗi thế gian hiện pháp lạc trụ. Tiểu thừa thoái là thoái thất Thánh quả, nhưng nhất định sinh trở lại đây, đắc quả kia, ất sẽ không phải kinh sinh, nhưng luận về thoái tánh, thông với ba giới Thánh. Nếu hiện tại thoái là chỉ ở nhân gian có thoái duyên, thoái duyên có năm: một là việc của tăng, hai là hòa hợp yên tĩnh, ba nghĩa là đi xa, bốn là nhiều bệnh, năm là thích tụng kinh.

**Luận:** Sát-na sát-na chuyển tăng tiến.

Tây Minh nói: Từ Địa thứ ba trở lên, lúc nương theo Sinh không quán nhập vào diệt định là tiến, không tiến. Giải thích rằng: Không tiến vì không đoạn pháp chấp. Căn cứ theo nghĩa này nên có vượt lên kiếp sự, nay cho rằng không đúng. Tuy nương theo Sinh không nhập vào ở nơi diệt định mà cũng tăng tiến không khởi diệt định, hiện các oai nghi, có thể dùng sát-na sát-na thực hành lợi lạc, chẳng phải tăng tiến kia, tuy căn cứ theo lời của pháp không đoạn pháp chấp, không như vậy trái với lời tiến của sát-na này. Chỉ trừ tâm đại từ hết sinh giới nguyện, mười Địa đầy đủ rồi, có thể không phải tăng tiến, không như vậy tu hành vô lượng a-tăng-kỳ kiếp mà không được đầy đủ, chẳng phải ba đại kiếp tu, có thể đầy đủ, vì bên ngoài đều tăng. Lại lúc nhập định, ất sẽ tự lợi công đức cũng tiến, mà vượt lên kiếp sự không ngăn ngại cũng thành tựu nếu nhập vào Pháp không, chánh đoạn pháp chấp có tâm lợi vật lại tăng tiến, tuy đều tăng tiến vì sao phế bỏ thắng trội, yếu kém? Huống gì trí tăng vượt lên bi tăng?

Lại giải thích nhập vào Địa rồi bỏ thật không phải vượt lên. Địa địa lực đều một thứ tăng tiến, không phải thắng trội yếu kém, nói vượt lên kiếp là căn cứ theo là hóa sinh hóa thân mà nói, chẳng phải thật báo thân, báo thân khó nghĩ bàn. Bồ-tát Thập địa còn không thể thấy, huống gì địa trước sinh, lại không do báo thân mới hiện ra tám tướng, chuẩn theo kinh Hoa Nghiêm, Bồ-tát Thập tín cũng hiện ra tám tướng, đâu phải Thập địa thánh không thể hiện tướng, cần phải thành Phật ư?

**Sớ ghi:** Từ Địa thứ tám trở lên, một sát-na ban đầu, gấp bội hai kiếp trước, sát-na thứ hai lại gấp bội niệm trước.

**Yếu Tập ghi:** “Kinh Thập Địa chép: Ở trong một niệm đã khởi trí nghiệp”. So sánh tự theo phát tâm ban đầu, đến sau rốt ráo Địa thứ bảy, trăm phần cho đến chẳng phải chỉ của toán số thí dụ có thể sánh kịp, chuẩn theo văn kinh này chẳng phải chỉ một gấp đôi. Nay cho rằng văn này hoặc căn cứ theo ý khác, chẳng phải ắt sẽ tất cả, như kinh Niết-bàn lấy phước trì kinh so sánh xả thân cúng dường Phật v.v... trăm phần không sánh kịp, cho đến được có thể sánh kịp, chuẩn theo luận của Vô Trước, phán quyết ở Địa trước, đâu phải ở địa vị này, tức là tất cả hành, liền có thể nhiều gấp bội rồi trước hành ư?

Thức thứ tám gọi chung có mười tám. Tụng rằng:

*Vô một, bản, trạch, tàng  
 Chủng, vô cấu, trì, duyên  
 Hiện, hiện, chuyển, tâm, y  
 Di, thức, căn, sinh, hữu.*

Giải thích rằng:

1. Vô một thức, nghĩa là luận Vô Tướng ghi: “Tất cả các chủng tử không phải chỗ ẩn chìm nên gọi là vô một”.
2. Bản thức, nghĩa là căn bản của tất cả pháp.
3. Trạch, cũng luận Vô Tướng nói là nhà ở của chủng tử.
4. Tàng thức, nghĩa là chấp tàng thức, tức là A-lại-da.
5. Chủng nghĩa là chủng tử thức.
6. Vô cấu thức là như kinh dưới dẫn.
7. Chấp trì thức nghĩa là A-đà-na thức.
8. Duyên, Biện Trung Biên luận ghi: “Hay duyên với sự thức”.
9. Hiện, luận Vô Tướng nói là hiển bày năm căn, bốn đại v.v... đều ở nơi hiển bày này.
10. Hiện thức, kinh Lăng-già nói các thức đều hiện ở nơi bản thức trên.
11. Chuyển, luận Vô Tướng nói cùng với các pháp là nương theo

mà khởi.

12. Tâm, nghĩa là nghĩa của tập khởi.

13. Y, nghĩa là chỉ biết nương theo.

14. Dị, nghĩa là thức Dị thực.

15. Thức, luận Vô Tướng nói phân biệt sự thức.

16. Căn thức, nghĩa là Đại chúng bộ lập làm căn bản thức.

17. Sinh, nghĩa là Hóa địa bộ lập gọi là cùng sinh tử uẩn.

18. Hữu, nghĩa là Thượng tọa bộ, Phân biệt thuyết bộ lập làm hữu phần thức. Đã dẫn kinh luận, nên lại kiểm xét văn.

Hỏi: Trong kinh Tăng Nhất lập bốn Lại-da, vì sao không nói?

Giải thích rằng: Bốn thứ kia tên không chỉ mục thức nên đây không nói hoặc làm mười chín cũng lại không ngăn ngại, chuẩn theo người xưa giải thích tên có mười bảy:

1. A-lê-da đây dịch là vô một.

2. A-đà-gia.

3. Cùng sinh ấm thức.

4. Gọi là liêu biệt thức.

5. Gọi là chất phần nhiều đâu nói rằng tâm thức.

6. Ý thức, thể là ý căn nên gọi là thức.

7. Thức thứ nhất từ gốc đến ngọn số làm thứ nhất.

8. Thức thứ tám từ ngọn hướng đến gốc số làm thứ tám.

9. Chủng tử thức.

10. Gọi là duyên thức.

11. Căn bản thức.

12. Hữu phần thức.

13. Quả báo thức.

14. Trí tướng thức, vì có hiểu rõ tánh nghe huân tập.

Kinh Lăng-già ghi: “Một là chuyển thức, hai là nghiệp tướng thức, ba là trí tướng thức”.

15. Chân tướng thức. Kinh Lăng-già quyển 4 ghi: “Chân tướng thức tức là trí tướng trước; không đồng với nhiệm pháp hư vọng gọi là chân”.

16. Tàng thức, kinh Lăng-già ghi: “Biển Tàng thức thường trụ”.

17. Hiện thức, thường hiện không đoạn. Kinh Lăng-già ghi: “Lược nói có ba, là chân thức, hiện thức, phân biệt thức”.

**Luận:** Hoặc gọi là A-lại-da v.v...

**Sớ ghi:** Chỉ có thể thức tạp nhiễm và ngã kiến chấp không nói bị nhiễm huân tập tàng, không thông với quả vị, vì không huân tập, hay

duyên với chấp tàng tuy không phải ngã chấp, bình đẳng trí duyên cũng thông với quả vị, cho nên chỉ lựa ra ngã chấp chấp tàng.

**Nên luận nói:** Chẳng phải Vô học vị, bất thoái Bồ-tát, vì có pháp tạp nhiễm chấp nghĩa của tàng; chấp là duyên chấp, vọng chấp đều gọi là chấp, như nói chấp thọ, vì chấp nói là thông, không chỉ vọng chấp, nên chỉ lựa ra nhiễm, nếu không như vậy chỉ nói: chẳng phải Vô học vị, bất thoái Bồ-tát có chấp nghĩa của tàng, vì sao phải nói: Có pháp tạp nhiễm chấp nghĩa tàng? Nên chỉ nói hai, như giải thích bài tụng sau. Ban đầu theo một nghĩa gọi là A-lại-da. Sau lại giải thích đầy đủ ba nghĩa. Không nói chỉ lấy hai nghĩa giải thích tàng, không trái với các luận. Nếu như các nhà giải thích không giả văn khác, tức là văn của luận này có thể đầy đủ ba tàng, tức là ngã kiến ái v.v... duyên vào bên chấp ngã, là nghĩa của ngã ái chấp tàng, tức là năng huân kia là nghĩa của sở huân, không thể duyên lấy tàng tạp nhiễm phẩm pháp tức là nhiễm pháp nghĩa của năng tàng. Do Nhiếp Đại thừa giải thích tạp nhiễm là các chuyển thức chẳng phải A-lại-da, nhưng đây bỏ tên, chỉ theo duyên trói buộc đoạn phục hết vị gọi nó là xả, chẳng phải xả năng tàng nghĩa của sở tàng. Do nhiễm pháp nói ba tánh của Hữu lậu, đều gọi là tạp nhiễm, thông với hai chương, không phải văn chỉ nói là Sở tri chương. Tám địa đã bỏ năm, bảy Hữu lậu Hữu lậu vẫn còn hiện hành có thể huân tập tướng thứ tám, thấy hai phần đầy đủ năng tàng sở tàng, nhưng không phải ngã chấp, tức gọi là xả.

Nêu văn trước nói: Tuy chưa đoạn hết thức Dị thực trong chủng tử của phiền não, mà mà duyên với thức này, ngã kiến ái v.v... không phải lại chấp tàng làm tự bên trong ngã, do đây vĩnh viễn xả bỏ tên A-lại-da, không nói năng tàng, sở tàng đều là vô phương gọi là xả.

Hỏi: Vì sao lúc không đồng với A-lại-da gọi là lỗi thứ nhất, mà gọi là bất xả?

Đáp: Đây theo duyên trói buộc nghĩa, luận kia theo nghĩa của tự tánh nếu không phải ngã chấp lia năng duyên trói buộc, xả bỏ tên Lại-da tuy không phải hết sinh, do chấp căn, chủng tử, đã ra không có lỗi.

**Luận:** Dị thực sẽ được Bồ-đề thời xả, chuẩn theo có hai Luận sư và lại nói đặc là chuẩn theo luận Tát-bà-đa tự có hai thuyết:

1. Thể khác nhau, vì ban đầu được tên đặc, sau gọi là thành tựu. Nếu không như vậy vì sao không lập ra thành tựu ư?

Đáp: Vì đặc loại nên không lập ra thành tựu bất tương ứng.

2. Đặc cùng với thành tựu thể là một, ban đầu được gọi là đặc, đặc rồi tương tục gọi là thành tựu, hoặc vị lai gọi là đặc, hiện tại, quá khứ

gọi là thành tựu. Nếu Luận sư của Đại thừa tuy không phân biệt văn, chuẩn theo luận Du-già, đặc được thành tựu thể một tên khác. Giải thích đây sẽ được có hai Luận sư:

Một là nhân quả khác thời, tức là luận sau dẫn chứng không phải chúng tử đã sinh, tính kế của Luận sư, vì quả cùng với Vô gián đạo Câu sinh nhân ở nơi diệt tướng, giải thích sẽ được lời như Số.

Hai là nhân quả đồng thời, đều cùng với vô gián đồng thời sinh diệt. Căn cứ theo hai Luận sư này, đều phân biệt làm hai:

1. Vô gián đạo xả.
2. Giải thoát đạo xả: Hợp thành bốn giải thích.

**Luận:** Vô tán động, nói rõ Phật quả không phải tầm tứ.

Tây Minh nói:

Hỏi: Từ Địa thứ tám trở lên, Vô phân biệt trí đâu không phát khởi nghiệp ư?

Giải thích rằng: Vô phân biệt trí có hai thứ:

1. Độc hành.
2. Cùng với hậu đắc đồng thời.

Vì trước không phát khởi nghiệp chỉ duyên với chân, sau tức là phát khởi nghiệp cùng với tầm tứ đồng thời.

Lại giải thích hậu đắc có hai thứ:

1. Cùng với căn bản đồng thời.
2. Biệt đầu khởi.

Ban đầu không phát khởi nghiệp, vì không phân biệt, sau có thể phát khởi nghiệp. Tuy có hai giải thích, trước là giải thích thẳng, nay cho rằng không đúng, tầm tứ tức là cùng với căn bản trí đồng thời.

Vì sao căn bản không gọi là phân biệt? Lại nếu tầm tứ cùng với vô phân biệt, đồng gần gũi duyên với như, không được gọi tư duy Chân như, nếu không cùng với đồng duyên, đâu phải tâm vương cùng với tâm sở, không phải hoàn toàn đồng duyên ư?

Tâm sở khác cũng lẽ ra không cùng đồng duyên với Chân như, còn lại nếu không như vậy, tầm tứ vì sao như vậy? Nếu sau nói chánh cùng với căn bản đồng thời ắt sẽ không phải tầm tứ.

Tây Minh nói: Nếu không thừa nhận căn bản trí đều là hậu đắc chánh trí cùng với tầm, tứ đều như định của Kim cương, ắt sẽ hai trí đều, đâu phải đối với thời đây, không khởi ngôn thuyết, ngôn thuyết ắt sẽ mượn tầm tứ làm nhân, nếu không khởi thuyết tức là Bồ-tát này không sánh kịp ở trước.

Vì sao sát-na chuyển tăng trội hơn ư? Nay cho rằng tuy thừa nhận

Kim cương định vị khởi nói tăng tiến, không nhất định phải cùng với tâm tứ tướng ứng.

Vì sao Kim cương định, nương tựa định thứ tư? Tư ban đầu tĩnh lặng, đâu phải Địa dưới, tâm sở cùng với tâm vương trên tương ứng ư?

Nếu không như vậy trái với Tập Tập quyển 5, tương ứng phẩm, lại đồng phần giới địa tương ứng, chẳng phải dị phần giới địa như cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc không tương ứng, Sơ thiền, Nhị thiền không tương ứng. Nay làm ra hai giải thích:

1. Ở nơi lạc, bệnh, chưa biết căn cứ rồi nói trước, vị này nói Đăng giác nên không phải mượn tâm tứ.

2. Kim cương định trước khởi ở nơi tâm, tứ, quán, lạc bệnh v.v... kích phát ngôn ngữ, tức là nhập vào định này, nên tuy ở định mà có thể thuyết pháp, phương tiện tuy thực ở trước. Lúc đang thuyết pháp, ở Kim cương định, có thể khiến cho tăng tiến, vì sao trái nhau? Đây giải thích là chính.

**Luận:** Cũng xả thọ đồng thời.

Sớ có ba giải thích, ban đầu giải thích là thắng, địa khác tuy không khởi, như Kiến đạo v.v... được khiến tăng tiến. Tây Minh, Yếu Tập lấy thuyết thứ ba không đồng với Kiến đạo, Kiến đạo sau khởi nên có thể được tăng Phật quả không tăng, nay cho rằng không đúng. Sớ không nói Phật quả lại tăng nên các địa có, như thấy Vô lậu biến khắp năm Địa. Đại thừa chỉ nương theo định thứ tư khởi sau cũng không trọng khởi Vô lậu khác, Cảnh trí cũng như vậy. Ở Vô gián đạo chỉ khiến cho nó tăng. Phật vị không khởi nên thắng thứ nhất.

Tây Minh lại nói: Chỉ nương theo thứ tư.

Tự hỏi rằng: Sẽ thiếu hỷ vô lượng?

Đáp: Giả sử như vậy cũng đâu có lỗi gì, không phải nhân nhĩ thông và diệt tận định lỗi chẳng thành.

Hỏi: Đã là như vậy vì sao có lỗi hỷ vô lượng?

Giải thích rằng: Nương theo Thức thứ sáu, đâu phải Thức thứ sáu nương theo hai địa dưới.

Giải thích rằng: Đồng nương theo chín Địa, nếu như vậy có lúc không phải hỷ vô lượng biến đổi. Nay giải thích thừa nhận nhân nhĩ thông với tám thức hữu, trí của Phật biến khắp duyên nên có lỗi nào? Nếu sáu thức v.v... nương theo định thứ tư cũng có hỷ vô lượng, nói nó không có là theo lời của người khác, như nói Địa trên không phải tỳ, thiệt thức, đâu không thừa nhận địa Phật có ư? Nếu không thừa nhận là trái, luận đã nói mười tám giới thông với lậu và Vô lậu. Nhưng năm



thức của Vô lậu không thông với Vô sắc, vì trong cõi Sắc địa khác ít có, giới kia hoàn toàn không, như tỷ thiết thức thừa nhận thông với cõi Dục, cõi Sắc, không thể Vô lậu thừa nhận cõi Sắc có, cũng khiến cho cõi Vô sắc có, hỷ vô lượng này cũng lại như vậy, thông với bốn thiên, không thông với Vô sắc.

Hỏi: Năng biến thứ nhất đứng về nhiễm, bất nhiễm, hai vị đối biện trong mười nghĩa trên, vì sao chỉ theo bốn nghĩa để liệu giản?

Giải thích rằng: Có ba nghĩa

1. Hữu vô đối nhau.
2. Đồng dị đối nhau.
3. Tín nghi đối nhau.

Trong mười nghĩa trước Dị thực, Lại-da đã rõ ràng, hai thức xả vị chỉ nhân có, quả vị thì không có. Kế trước đã nói rõ, không cần đối biện, vì hữu vô hoàn toàn khác nhau, hữu vô đối này, hành tướng tất cả chủng tử, xả thọ đồng thời như bực lưu, bốn nghĩa này nhân quả cùng đồng, nên cũng không nói rõ. Tánh Vô ký tâm sở tương ứng, duyên với ba thứ cảnh, cùng quả có khác nên nay đối biện. Những vị khác đều là tín, chỉ có xả thọ là nghi, nên nay đối biện.

Hỏi: Ba thứ nhân, vị, duyên, quả tất cả rộng hẹp không đồng tức là liệu giản, quả vị hành tướng và nhân khác nhau biến và bất biến lẽ ra phân biệt?

Đáp: Có hai giải thích.

Một là thật ứng với phân biệt, vì hành tướng tức là theo công năng của duyên cảnh mà nói. Quả vị tức là nói biến duyên tức là lựa ra hành tướng khác nhau. Hai là ảnh lược.

Hỏi: Nhân vị đồng giữ gìn chủng tử của lậu Vô lậu, quả tuy Vô lậu, vì sao không phải đối biện lựa ra?

Giải thích rằng: Nhân quả giữ gìn chủng tử, tuy thuận tạp không đồng, giữ gìn chủng tử nghĩa đồng nên không phải đối biện.

Hỏi: Nhân quả hai vị khác nhau, giữ gìn chủng tử tên đồng nên không lựa ra, quả nhân hai vị khác nhau, tương ứng nghĩa đồng, không phải đối biện.

Đáp: Giữ gìn chủng tử tên tuy thông với quả vị, không tăng nên không lựa ra. Tương ứng nghĩa tuy đồng, quả vị tăng nên tương đối biện. Đồng dị đối nhau như ở trên.

Hỏi: Giữ gìn chủng tử quả không tăng nghĩa đều nên không lựa ra xả thọ quả không khác nghĩa đồng với đầu nên nói rõ ràng?

Đáp: Quả vị chỉ là thiện tánh, e rằng nghi ngờ thọ câu khác. Nay

nói rõ tánh tuy khác quả nhân câu xả thọ, đây tức là tín nghi đối.

**Luận:** Mạt-na, Ý thức thuộc về chuyển thức v.v... luận này vì trước thành tựu Thức thứ sáu có, biệt Câu hữu y nên có lỗi bất định. Giải thích rằng không như vậy, vì thừa nhận Thức thứ bảy có biệt y căn, không có lỗi bất định, vì trừ ra nghi khác, thành tựu Thức thứ bảy có biệt Câu hữu y, làm ra lượng có thể biệt, lượng này sẽ có hữu pháp bất cực thành.

Đáp: Trước thành tựu Thức thứ sáu có biệt y căn, tức là ý căn, ý căn tức là Thức thứ bảy nên không có lỗi này.

**Yếu Tập ghi:** “Thành tựu Thức thứ sáu đối đãi thuyết của Tiểu thừa thành tựu Thức thứ bảy đối đãi thuyết của Đại thừa, nên hữu pháp thành tựu”. Nay cho rằng không như vậy. Nếu không đối đãi Tiểu thừa thành tựu Thức thứ bảy có nương theo, luận kia làm ra lỗi bất định, vì sao đời đối, cũng đối đãi Tiểu thừa có nói: Lượng có pháp sai biệt trái nhau. Nói rằng Thức thứ bảy không dùng Thức thứ tám là câu hữu biệt y vì chuyển thức nhiếp, như nhãn thức v.v... đây cũng không như vậy. Luận kia thừa nhận chỉ nương của năm thức đều khác nhau không phải chỉ là một, nếu không như vậy, như cực thành năm thức tùy theo lúc nêu một lượng, sẽ có lỗi sai biệt tương vi, vì sở y khác chẳng phải nương theo đây. Có lập ra tỷ lượng trái nhau, nói rằng: Không dùng Thức thứ tám là biệt y, vì tự chẳng phải Dị thực, nếu như vậy năm thức cũng đồng với lỗi này, chẳng phải chỉ Dị thực. Yếu Tập lập ra trái nhau quyết định, nói rằng: Thức thứ bảy ắt sẽ dùng Thức thứ tám làm câu hữu biệt y, vì thường hằng tâm phẩm nhiếp chẳng phải thức, như năm tâm sở của Thức thứ tám, đây cũng không như vậy. Hễ nói quyết định nhân dụ, cả hai thừa nhận có thể thành tựu quyết định. Nếu đối đãi Tiểu thừa Thức thứ tám kia là vô, vì sao thành tựu quyết định? Lại cũng gọi là ý thức, tức Trì nghiệp thích. Lại tâm, ý, thức cũng tám thức thông với danh. Nay nói chẳng phải thức tức là chẳng thành nhân nên như trước nói rõ.

Lý của Thức thứ tám trở xuống, còn lại nói rõ lỗi của lượng, nói có hữu pháp tự tương trái nhau, lẽ ra chẳng phải Thức thứ tám, là thức tánh; cũng có hữu pháp sai biệt trái nhau, nên không phải chịu huân tập giữ gìn chủng tử; cũng có pháp sai biệt tương vi nhân, nên không dùng Thức thứ bảy làm Câu hữu y.

**Yếu Tập ghi:** “Hai đối trước rất có lỗi trái với tông”, trong lượng thứ ba, một phần của đồng dụ đã lập chẳng thành. Nay cho rằng có khác. Nếu đối đãi Tiểu thừa, hai đối trước có lỗi gì? Không trái với mình, lại trước đã thành tựu, Thức thứ bảy có khác với căn của sở y, tức

là Thức thứ tám không tranh luận hữu pháp, tranh luận hữu pháp cũng có trong tông, đã riêng biệt bất cực thành nên biết không tranh luận hữu pháp, lại cũng chưa tranh luận chịu huân tập giữ gìn chủng tử.

Lý môn của luận nói: Tùy theo chỗ thành lập, nói tên là tông kia chẳng phải chỗ thành lập nên không phải sai biệt, tức là lập là Thức thứ tám không nương Thức thứ bảy, nương theo Thức thứ bảy tức là Dị thực, thức tánh nên nhân ở nơi dị dụ. Chuyển có lỗi bất định, do trước đã thành tựu Thức thứ sáu nương theo Thức thứ bảy nên có lỗi bất định, còn lại sợ dài dòng nên không nêu.

Lại thành tựu Thức thứ tám, nói: Lẽ ra có câu hữu tương tục thức làm tăng thượng bất cộng câu hữu sở y căn. Nếu nói thức tánh, nhân có lỗi bất định, năm là thức tánh không lấy thức tương tục làm bất cộng câu hữu sở y căn. Nay nói tự thể thường hằng nối tiếp thức tánh, như Thức thứ bảy.

Hỏi: Tụng này vốn nói rõ Thức thứ tám cùng với thức khác làm chỗ nương, vì sao trong đây nói Thức thứ tám nương theo Thức thứ bảy?

Đáp: Nhân nói trước lý, nên liền thành lập, là trừ ra nghi ngờ khác v.v... Đà-na không làm ra thuyết của Nhị thừa.

Tây Minh và Sở hỏi: Nếu không làm ra định tánh thuyết của Nhị thừa, kinh Giải Thâm Mật lại nói vì sao thông? Luận kia nói: Nay thời thứ ba đều là phát khởi thú hưởng tất cả Thừa chẳng?

Giải thích rằng: Văn kia chẳng phải chỉ làm ra trực vãng, cũng làm ra tánh của bất định, nên thông với tất cả Thừa, nay cho rằng tự trái nhau. Trước nói rằng là thuyết khởi diệt định, nay nói không làm nên tự trái nhau.

Lại kinh ghi: Đều làm tất cả Thừa, không làm Định tánh thừa, trở lại chẳng phải đều làm. Nay cho rằng ban đầu giáo nói hữu chỉ làm Tiểu thừa, kế giáo thuyết không chỉ làm Đại thừa, sau thông với không hữu, nói làm tất cả, các câu “chẳng phải ất” đều thông với tất cả, như luận Du-già đồng nói pháp của ba Thừa là làm tất cả Thừa, chẳng phải chỉ nói đại nói làm các Thừa.

Tây Minh nói: Luận sư Thắng Quân lập ra tỷ lượng rằng: Các kinh của Đại thừa v.v... nói, có lỗi bất định, vì luận Phát Trí cũng cả hai đều cực thành, chẳng phải lời của Phật không nhiếp. Họ tự chống chế: Không phải lỗi bất định, vì luận kia có thừa nhận luận Phát Trí là Phật nói. Nay cho rằng không đúng, đối với Tiểu thừa kia, tự không thừa nhận luận Phát Trí là Phật nói, đâu không có lỗi bất định ư?

Lại hỏi: Nhân này đâu không có tùy theo một lỗi chẳng thành. Tiểu thừa không thừa nhận cực thành chẳng phải là của Phật không nhiếp, chỉ Đại thừa thừa nhận, đâu thể nói cả hai câu? Nếu họ thừa nhận chẳng phải lời của ngoại đạo, nghĩa là chẳng phải lời của Phật không nhiếp, thì có lỗi bất định. Luận Phát Trí v.v... cũng chẳng phải nhiếp lời của ngoại đạo, nếu thừa nhận là Phật nói, cho nên nói cực thành, chẳng phải là lời của Phật không nhiếp, tức là có lỗi tương phù, như Số lập tỷ lượng không có lỗi.

Phán phân tỷ lượng nói: Luận quyển 5 có tương vi quyết định, nói các kinh của Đại thừa, chẳng phải Chí giáo lượng, người ưa thích Tiểu thừa là không thừa nhận hiển bày không điên đảo, lý thuộc về Khế kinh, như luận của ngoại đạo v.v... nay cho rằng không đúng, nhân kia một phần trái với tông, tức là một phần nhân bất thành, vì sao gọi là quyết định?

Hỏi: Vì sao gọi một phần chẳng thành nhân?

Đáp: Luận kia thừa nhận ba pháp ấn, giáo thuận với chánh lý, nay Đại thừa giáo cũng thuận theo ba pháp ấn, vì sao không hiển bày không có lý điên đảo? Nếu nói rằng không thuận theo ba pháp ấn là đây cũng không như vậy, vì sao đều hiển bày vô ngã các hành vô thường, vì sao chẳng phải thuận theo pháp ấn? Nếu nói rằng chẳng phải hoàn toàn, đâu tăng một v.v... câu câu đều nói rõ vô ngã v.v... ư? Nếu nói tuy chẳng phải câu câu đều rõ ràng, nhưng thuận theo vô ngã v.v... đại giáo cũng như vậy, nên chẳng thành nhân, thiết lập dù nói chẳng phải hoàn toàn, cũng lỗi của nhân kia, không nói một phần không thể hiển bày.

Lại pháp Nhân Minh lập ra nghĩa của tự tông, tự thừa nhận lựa ra cùng thừa nhận được thành tựu, tương vi quyết định đã lập nhân, dụ ất sẽ cần cả hai thừa nhận, nay nhân chẳng phải chung cùng, không được thành tựu quyết định trái nhau.

Lại phán phân lượng nói: Trong luận Thắng Quân, Tam Tạng được gia thêm cũng có tương vi quyết định, nói rằng Đại thừa giáo chẳng phải Chí giáo lượng, tự thừa nhận chẳng phải thuộc về lời của Phật, cũng không phải là lỗi, lý đã nói như trước.

Lại nói: Có bất định, là như tăng một v.v..., tự thừa nhận chẳng phải lời của Phật không nhiếp, cho nên thuộc về Chí giáo lượng, là như sắc v.v..., tự thừa nhận chẳng phải lời của Phật được bất nhiễm nên chẳng phải Chí giáo lượng, đây cũng không như vậy. Sắc v.v... cùng thừa nhận là chẳng phải lời của Phật nhiếp, nhân đối với kia không phải không thành tựu bất định.

**Sớ ghi:** Lại chẳng phải chỉ thể, đến lìa đây nói Đại thừa là vô, luận Trang Nghiêm kia lấy trí làm thể của Đại thừa, nếu không như vậy, giáo lý của Đại thừa vì sao được nhiếp? Đại thừa lấy gì làm thể? Vì nếu chỉ nhận lấy trí thì có nghĩa hạn hẹp.

Hỏi: Luận này có bảy nhân, luận Hiển Dương nói mười nhân, có gì khác nhau?

Đáp: Nhiều ít khai hợp có khác nhau, tám nhân đồng với luận Trang Nghiêm:

1. Trước không ghi nhớ sai biệt.
2. Nay không thể biết, tức là đồng hành, cho ít đồng thời hành, lẽ đâu lại biết Đại thừa chỉ chẳng phải Phật nói.
3. Nhiều có sở tác, tức là luận Trang Nghiêm có thể hành pháp trí này, nương theo tín tu hành được ba tuệ v.v...
4. Cực trọng chướng, tức là luận Trang Nghiêm sinh ra sợ hãi v.v... vì do sợ hãi, Đại thừa không thuận theo sợ hãi hủy báng, thành tựu trọng chướng, ý này ở nơi tiểu giáo, thuận theo tu được lợi ích, sợ hãi hủy báng mắc tội, tức là Phật nói Đại thừa cũng như vậy, nên là Phật nói hoặc đều Thứ thứ bảy nhiếp. Luận Trang Nghiêm căn cứ theo năng sở đoạn hợp, luận Hiển Dương khai mở riêng, thành tựu trong năng đoạn, gia hạnh sau được khai mở làm hai, rộng lược khác nhau.
5. Chẳng phải cảnh của tâm tứ, tức là luận Trang Nghiêm thứ ba không hành.
6. Chứng Đại giác tức là luận Trang Nghiêm thứ tư thành tựu, ý này ông thừa nhận, trước Phật đắc được thuyết của Bồ-đề, nay Phật chứng đại giác cũng nói đại giáo. Nhưng luận Hiển Dương ghi: “Nếu chưa thành Phật, có thể nói giáo của Phật không ứng hợp với đạo lý”. Trái lại hiển bày chứng đại giác, định nói đại giáo tức là ứng với đạo lý.
7. Không có lỗi của Thừa thứ ba, tức là luận Trang Nghiêm thể thứ năm. Ý ở đây thừa nhận chư Phật khác có thể của Đại thừa, nay Phật cũng có. Đại thừa không có dị thể tức là chỉ có một. Ở đây Phật không có tức là Phật này không có thể của Thừa thứ ba, cho nên thành lỗi.
8. Đây nếu không có lẽ ra không có Nhất thiết trí vì thành lỗi, tức là luận Trang Nghiêm thứ sáu chẳng phải thể, đây nói chẳng phải là vô, đã không có thể của Đại thừa, nên không phải Nhất thiết trí, ai xuất hiện ở đời nói Thanh văn thừa?
9. Duyên đây làm cảnh, như lý tư duy, đối trị tất cả các phiền não, tức là luận Trang Nghiêm thứ bảy.

10. Không nên như lời nhận lấy ý kia, tức là luận Trang Nghiêm thứ tám. Nên mười và tám chỉ khai hợp khác nhau, sự ý không sai biệt, vì luận Trang Nghiêm tụng và luận Hiển Dương đều do Vô Trước tạo ra.

**Luận:** Thượng tọa bộ kinh, Phân Biệt luận, là Thượng tọa bộ lấy hữu để dẫn kinh, cũng gọi là Kinh lượng bộ, chẳng phải hai mươi bộ trong Kinh bộ. Thượng tọa bộ này trong có A-la-hán, Ca-đa-diễn-na-phất-đát-la, khéo thông luận tạng, vặn hỏi Thượng tọa này, không ai có thể đối đáp, bèn nhóm họp ở Tuyết sơn, nhân gọi là Tuyết chuyển bộ. Phân Biệt luận tức là Thuyết giả bộ, xưa gọi là Phân biệt thuyết bộ, trong luận Vô Tánh thuận theo xưa gọi là Phân biệt thuyết bộ, trong Tông Luân luận không có Phân biệt bộ, có Thuyết giả bộ, đều nói có phần tâm.

Thượng tọa chín tâm, năm môn phân biệt:

1. Liệt kê tên giải thích
2. Các thức phân biệt
3. Ba tánh phân biệt
4. Sinh tử phân biệt
5. Trước phân biệt.

Như Xu Yếu giải thích.

**Luận:** Đã dẫn Thánh giáo v.v... luận Du-già tám chứng, luận Tập Tập dẫn đồng. Tụng rằng: “Chấp, thọ, sơ, minh liễu; chủng tử, nghiệp, thân thọ; vô tâm định, mạng chung; tất cả đều xứng lý”. Sơ sinh, minh liễu, nghiệp dụng ba nghiệp trong luận này không có. Thú sinh, thọ thức, hồ duyên, y thực và tâm nhiễm tịnh, năm thứ này luận kia chẳng có, năm thứ khác cùng đồng, nhưng hồ tương rộng lược.

Trong luận Du-già v.v... thứ nhất chấp thọ; hai sơ sinh khởi, nghĩa là Hữu bộ v.v... tức là các thức không đồng thời, như sáu cảnh cùng đến, lẽ ra không có thức sơ sinh. Căn, cảnh, tác ý duyên đều đồng. Đại thừa thừa nhận đồng thời, nên vặn hỏi với họ không có thức sơ sinh. Họ liền thiết lập vặn hỏi. Nếu không có thức sơ sinh câu khởi, lẽ ra một hữu tình hai thức đều khởi, vì Đại thừa thừa nhận Lại-da định có. Nay người ngoài lại đặt vặn hỏi này, không như vậy nên vặn hỏi ba, bốn đồng thời, nên sau bỏ vặn hỏi, giống như hữu nhất đồng thời dục kiến cho đến dục thức, tùy theo có một thức sơ sinh khởi, không ứng với đạo lý.

Hỏi: Nếu thừa nhận Câu sinh, vì sao có thể chứng có Thức thứ tám?

Đáp: Đây chẳng phải chánh chứng, nhân giải thích vặn hỏi bên

ngoài nên làm một nhân, hoặc sẽ triển chuyển lập ra đều có căn, chứng có Thức thứ tám. Lại giải thích, vặn hỏi bên ngoài nếu có Thức thứ tám, tất cả thời hành, sơ sinh khởi thức không được, ngã không phải Thức thứ tám, sơ sinh có thể được.

Nay nêu bên ngoài vặn hỏi rằng: Vì sao không thể được?

Có ngoại đạo vặn hỏi rằng: Nếu thừa nhận thường hằng có Thức thứ tám, lẽ ra có lỗi của hai thức đều khởi, nên ban đầu khởi thức không thể được nghĩa, nên biết dung chứa đồng thời nên có thể được.

Hỏi: Nếu như vậy Thức thứ bảy cũng lại thường hằng hành, vì sao có ban đầu khởi?

Đáp: Vì họ chưa thừa nhận có Thức thứ bảy. Vả lại Thức thứ tám và thứ sáu đối đãi thừa nhận Thức thứ tám sơ sinh chứng có Lại-da. Nếu họ vặn hỏi Thức thứ bảy hằng cùng với Thức thứ tám đều không phải sơ sinh, cũng thành tự nghĩa của ngã.

Hỏi: Họ chống chế nói, vị sơ sinh, năm căn chưa thành tựu ý thức sơ sinh, đều có lỗi gì? Tức là ứng theo lời vặn hỏi, có ý của sở y, cùng với Thức thứ sáu đều sinh, nên nói sơ khởi nghĩa cũng không lập, giải thích trước là thù thắng.

Minh liễu, tác nghiệp cũng là triển chuyển, hiển bày thành tựu đều khởi, chứng nghĩa thứ tám, nhưng bốn nghiệp thứ nhất là liễu khí, thứ hai là liễu căn, y xứ, chủng tử, liễu ngã thứ bảy, liễu cảnh thứ sáu, hiển bày bốn nghiệp đồng thời, nên chứng Thức thứ tám, đạo lý hơi ỏn.

Luận Nhiếp Đại Thừa lấy tâm nhiễm tịnh, chung riêng hợp nói, trong định của tạp nhiễm, rải rác phân biệt nên ban đầu nói cõi Dục. Trong cõi Dục ban đầu nói rõ ba tạp nhiễm là hoặc, nghiệp, sinh. Trong sinh lại phân ra sắc căn chấp thọ, danh sắc nương nhau, đến nương ăn uống mà trụ, kế nói ba thứ hoặc nghiệp, sinh trong Vô sắc, trong sinh lại phân ra diệt, ly hai thú hưởng.

Lại căn cứ theo hai cõi nói rõ địa vị sinh tử lãnh xúc bất thành. Kế nói rõ trong thanh tịnh phân ra thế và xuất thế, trong xuất thế nói rõ diệt định chứng.

Kế lại hiển bày trong ba tạp nhiễm trước, là chủng tử không thành, phá Thượng tọa bộ, chuẩn theo luận kia chỉ có tám nghĩa của luận này, ban đầu giữ gìn nghĩa của chủng tử, tức là tạp nhiễm kia thuộc về thanh tịnh, chấp thọ, danh sắc, bốn thực, thú sinh, sinh tử, diệt định, bảy nghĩa tên đồng, chỉ khai hợp rộng lược. Dị thực, thọ thức kia không phải hai thứ này. Lại nữa, luận này tâm nhiễm tịnh chứng, ban đầu ở sau nói



hiển bày riêng nương theo chung kia tức là đầu nói chung lia riêng.

Nói chỗ của các pháp chủng tử tập khởi, nên gọi là tâm, Kinh bộ tuy lấy sắc tâm hỗ tương huân tập đều được giữ gìn chủng tử, thức giữ gìn pháp chủng, thông với ba cõi vì thù thắng, chỉ nói chủng tử huân tập gọi là tâm. Tát-bà-đa nói: Dùng tâm có thể phân biệt được sắc, chẳng phải sắc phân biệt được tâm, nên nói tâm là chủng tử, tức là lấy tâm pháp hiện tại làm chủng tử. Luận sư Đại chúng bộ cũng tâm dụng mạnh mẽ lập ra tên của chủng tử. Luận sư Thượng tọa bộ tuy sắc tâm trước đều làm chủng tử sau, cũng là tâm mạnh mẽ nên chỉ tâm gọi là chủng tử.

**Luận:** Loại khác ắt sẽ đồng với tánh biệt sự.

Tây Minh nói: Một là không lập pháp đồnggãhi là cũng lập, trước nói là thắng, nay có thể không như vậy. Trong luận Câu-xá Kinh bộ phá họ rất đồng với Duy thức, luận này tức là vặn hỏi, khiến cho pháp tương tự lập ra ở nơi đồng phần, nên lập ra pháp đồng, nghĩa này là thù thắng.

Hỏi: Thức của tông kia, loại làm ra tánh gì?

Đáp: Vốn chấp Vô ký nên chịu huân tập giữ gìn chủng tử.

Hỏi: Thừa nhận không gián đoạn chăng?

Đáp: Họ thừa nhận tương tục.

Hỏi: Nếu như vậy, vì sao nói lại địa vị vô tâm, loại này định là vô?

Đáp: Đây dùng lý bức bách tức gọi là thức loại, thức tức là gián đoạn, loại lẽ ra như vậy, loại nương theo thức lập ra, như được đồng.

**Luận:** Lại A-la-hán hoặc sinh tâm khác v.v...

Hỏi: Họ chấp thức loại hỗ tương thông với ba đời, mà tánh không thay đổi, tức là vặn hỏi khiến cho phạm thánh nhiệm tịnh lẽ ra hỗ tương huân tập; Thức thứ tám một loại ba đời không thay đổi nên đồng với lỗi kia chăng?

Đáp: Không lệ thuộc, họ lập thức loại nương theo thức mà thành tức là thức kia nhiếp, không phải pháp khác thâm nhiếp, nên có lỗi này, Đại thừa thể tánh của tám thức đều riêng biệt, chẳng phải một thức loại nên không thành lỗi.

**Luận:** Thừa nhận loại là giả nên không giữ gìn chủng tử.

Hỏi: Thể của chủng tử là thật, thức loại giả không giữ gìn, tâm, tâm pháp là chân, giả pháp chẳng phải có thể ngăn ngại?

Đáp: Giữ gìn chủng tử đầy đủ bốn nghĩa, giả pháp thiếu không giữ gìn, ngăn ngại pháp căn cứ theo công năng, giả pháp vì sao ngăn ngại?

Nay giải thích thêm rằng: Ngăn ngại dụng thể thừa xa, giả pháp cũng có thể ngăn ngại, giữ gìn chủng tử căn cứ theo gần hợp, phải thật mới có thể nhận.

Lại vặn hỏi rằng: Hai định nương theo chủng tử lập ra, tuy giả trở lại ngăn chủng tử, thức loại nương theo thức lập thức loại giữ gìn thức chủng tử.

Đáp: Giải thích như trước.

**Luận:** Nương theo tợ tỷ lượng bác không có thức này.

Sớ và Xu Yếu đều nói rõ lỗi, như các thuyết kia, trong tông không có lỗi hữu pháp bất cực thành, vì chân tánh đó không phải là hữu pháp, nêu ý của chân tánh này, nhận Hữu vi lấy làm hữu pháp, nay gọi là lỗi kia nêu chân tánh, chân tánh đều rỗng không, không phải pháp Hữu vi, bản ý không nhận lấy chân tánh làm hữu pháp, ở trong chân tánh lại không thể nói lời, nói vì sao lấy làm Hữu vi hữu pháp, nên lỗi của hữu pháp. Nếu nhận lấy thẳng nghĩa Hữu vi của Hộ Pháp, Hữu vi chẳng phải không bất không, một phần kia trái với lỗi của tự tông, nhận lấy Tát-bà-đa thẳng nghĩa Hữu vi, đều trái với lỗi của tông, lại có thuyết kia nhân cũng không lỗi, duyên sinh pháp không phù hợp với tông vô, đây cũng không như vậy, nếu duyên sinh pháp không là Hộ Pháp thừa nhận tông có phù hợp nhau; duyên sinh bất không. Thanh Biện nói: Không tùy theo một lỗi của chẳng thành, lại thẳng nghĩa không, vì sao có duyên sinh? Luận kia tự theo một lỗi của chẳng thành. Lại nương theo thể tục duyên sinh thừa nhận có huyễn sự là dụ, thể tục có thể nhân đối với chuyển kia, là pháp tự tương tương vi nhân. Nếu lấy thật huyễn làm dụ kia chẳng phải duyên sinh, thiếu hai tướng của nhân sau, lấy tợ huyễn dụ pháp Hữu vi dụ khác, duyên sinh nhân chuyển, cũng là pháp tự tương tương vi nhân, lỗi của dụ chuẩn theo biết.

Tây Minh nói: Nương theo Thanh Biện tạo ra luận Trung Quán, Tâm luận nhập vào trong thuyết phẩm Chân Cam-lộ, A-lại-da thức không phải riêng có tánh, vì sáu thức nhân v.v... đã không nhiếp, giống như hoa đốm trong hư không, Hộ Pháp nay phá, nhưng tỷ lượng kia có ba lỗi, nên nói tợ tỷ tông nương theo thẳng nghĩa, thẳng nghĩa nói không phải Thức thứ tám, có lỗi tương phù, cũng có lập ra rồi thành lỗi. Nếu nương theo thể tục có lỗi trái với giáo, nhân có cộng bất định là như hoa đốm trong hư không, sáu thức không nhiếp nên chẳng có, vì như sắc v.v... là có. Nếu tông nói không phải riêng thức tánh, tức là có bất định khác vì như Thức thứ bảy, Thức thứ sáu đã không nhiếp nên Thức thứ tám là có nay cho rằng không đúng. Yếu Tập tuy nói Tam Tạng đã nói

nhưng e rằng truyền sai lầm, vì sao các kinh Đại thừa Thanh Biện đồng tin, thắng nghĩa các pháp không, thế tục các pháp hữu, vì sao chỉ riêng phá Thức thứ tám trong tông? Nếu nương theo thắng nghĩa tức là không có lỗi trái với giáo, giáo nương theo thuyết của thế tục, vì sao phải trái nhau? Nói trái với kinh trước, lại thắng nghĩa của Hộ Pháp chẳng phải không bất không, luận kia nói đều không, vì sao phải trái nhau?

Lại bốn thắng nghĩa và bốn thế tục đều lập ra, luận Du-già, Hiền Dương v.v... không nhất định, Thanh Biện cũng thừa nhận đều bốn, vì sao phải nói: Thắng nghĩa thắng nghĩa phát ra không phải tất cả lượng? Tây Minh lấy Chưởng Trâm so sánh nhưng nêu ra lỗi nói: Nếu nương theo thắng nghĩa tông phù hợp nhau, nếu nương theo thế tục trái với Thánh giáo. Nay cho rằng không đúng. Chẳng phải lỗi trái nhau; nghĩa như nói trước, không trái với Thánh giáo, tỷ lượng nêu nương theo lời của chân tánh, nên Sở thuật lại chánh kế hợp yếu chỉ thâm sau.

**Luận:** Luận kia đặc biệt trái là căn cứ theo thắng nghĩa để chẳng phải không bất không, nghĩa là đều không, nên đặc biệt trái với kinh Tập Khởi Tâm. Lại Nhân Vương Bát-nhã ghi: Hữu vô vốn có hai, tức là nói rõ thế đế, vì sao phải nương theo thắng nghĩa lập ra tất cả đều là không? Tuy cũng trái với kinh Lăng-già, Thâm Mật trước, ở đây chứng minh tức là trái với kinh, phá lượng của Vô vi chuẩn theo lời bàn trước.

Giải thích trong thân thọ.

Hỏi: Trong vô tâm định dẫn khinh an đại chủng chẳng?

Đáp: Dẫn không dẫn đều không có ngăn ngại.

Hỏi: Cả hai đều có lỗi, vì sao như nói không dẫn, vì sao Thức thứ bảy nói khiến cho thân an hòa, nên cũng gọi là định? Nếu nói rằng dẫn là định tức là vô tâm lấy pháp gì để dẫn? Nếu nói gia hạnh tâm dẫn, tức là chẳng phải vô tâm định?

Đáp: Không dẫn khinh an đại chủng, nhưng không phải khổ bức bách nói là hòa, hoặc vi tế điều hòa thích hợp, như giữ gìn dục v.v...

Hỏi: Trong hữu tâm định đã dẫn khinh an đại chủng định tâm chuyên chẳng?

Đáp: Duyên cũng không có lỗi, nhưng lúc không duyên vì thiên định riêng.

**Luận:** Thú sinh thể cần đầy đủ bốn nghĩa, như Sở nói rõ ràng, nhưng giải thích chung tất cả pháp có hai thứ: Một là Hữu vi, hai là Vô vi, Vô vi chẳng phải sinh nên không cần lựa ra, trong Hữu vi lược có ba loại: Một là sắc; hai là bất tương ứng; ba là tâm, tâm sở. Và lại trong

sắc pháp, Dị thực năm căn, có thật và thường hằng khởi không phải tạp loạn, nhưng thể không biến đổi, trường dưỡng Đăng lưu thì có tạp loạn, ở dưới khởi trên thiên nhân nhĩ, là trường dưỡng, liền thiếu hai nghĩa, chỉ có thật, nếu năm cảnh sắc: một chẳng phải một hương thật; hai chẳng phải thường hằng; ba chẳng phải biến khắp nghiệp quả Vô sắc vô, định quả cõi Dục Vô vi; bốn chẳng phải không tạp, vì trên dưới năm thức duyên với cảnh trên dưới. Trong pháp xứ sắc, ban đầu bốn thiếu bốn nghĩa, chỉ giả không thường hằng không biến đổi khởi tạp loạn, định tự tại sắc thể thông với giả thật, cũng thiếu bốn nghĩa.

Thứ hai Bất tương ứng hành chung thiếu đi thật nghĩa, mạng căn, Chúng đồng phần thiếu một đầy đủ ba, vì thường hằng biến đổi không tạp, Dị sinh tánh một thiếu ba có một, vì biến khắp ba cõi, hoặc có thể đầy đủ hai. Tuy nói nương theo kiến để đoạn lập, nếu ở cõi Dục tức là nương theo cõi Dục phân biệt hoặc lập ra, nên cũng không tạp, còn lại chuẩn theo có thể biết.

Thứ ba tâm, trong tâm sở pháp, ban đầu nói rõ tâm sở, sau nói rõ tâm vương, trong tâm sở sáu vị sai biệt, nói chung thì biến hành, biệt cảnh chỉ có thật, biến hành thiếu thường hằng không tạp, bốn vị khác nói chung bốn nghĩa đều thiếu, căn cứ theo ba tánh riêng, nói rõ đầy đủ và thiếu. Và lại ở trong thiện, chia làm hai loại: Một là sinh đắc; hai là phương tiện. Sinh đắc thiện bốn nghĩa, đầy đủ bao nhiêu?

Đáp: Quyết định có hai nghĩa là thật và biến, định thiếu thường hằng một không tạp hai thuyết, một là đứng về giới không tạp, căn cứ theo thú tạp loạn, như trong người được khởi trời, quỷ thú v.v... sinh được thiện nghiệp, do sinh được thiện, cảm được quả báo kia. Nhưng luận nó các cõi sinh được thiện và trong ý thức nghiệp đã cảm, tuy biến khắp thú sinh khởi không tạp loạn, Dị thực là văn của Hộ Pháp, sinh đắc thiện là nghĩa của sư Nan-đà, cùng với văn của Hộ Pháp hợp nói không tạp. Căn cứ theo Hộ Pháp chánh nghĩa thừa nhận sinh đắc thiện tạp. Hai là không tạp, do trong cõi người tạo tác nghiệp thiện, kích nghiệp cũ kia, cảm được quả báo thiện khác, chẳng phải ở trong cõi người khởi trong cõi người kia, sinh được thiện nghiệp. Hai thuyết trước chính, vì đồng với cõi Dục, không phải thuộc về định, như phiền não v.v...

Lại giải thích năm đường cũng khác nhau, vì định khác với nhân, biến khắp các pháp, tuy nhiên khởi tạp.

Hỏi: Hoặc, nghiệp sinh cả ba tuy đồng một cõi, năm đường sẽ khác nhau, không phải như vậy đâu thể là cõi người trong nghiệp bất thiện ở nơi đường khác thọ? Nếu nói chẳng phải thuộc về định cũng ứng

báo không thuộc, nếu thừa nhận báo không thuộc, nên không phải năm đường khác nhau, như nghiệp phiền não. Nếu nói báo có thuộc, hoặc nghiệp cũng sẽ như vậy. Đạo lý ít vận hỏi, người trí suy nghĩ lựa chọn vì hoặc nghiệp tùy theo báo định thù thắng, thuận theo định khác nhân.

Hỏi: Trong phương tiện định được đầy đủ bao nhiêu nghĩa?

Đáp: Theo chung mà nói có thật và biến, thiếu thường hằng không tạp. Nếu nói riêng chỉ có thật nghĩa, thiếu ba thứ khác vì cũng không biến đổi tư tuệ chỉ ở cõi Dục, văn tuệ thông với hai cõi dưới, tu tuệ ở hai cõi trên, chung cũng giả, nghĩa như nói trước, bất thiện chuẩn theo nên biết. Vô ký có bốn, vả lại Dị thực trong Vô ký, nếu chẳng phải nghiệp cảm thì thuộc về Sở tri chướng, nói chung cũng thiếu bốn nghĩa, nếu nghiệp cảm Dị thực, phải có thật không tạp, hai thứ khác chuẩn theo nên biết.

Kế nói rõ tâm vương, chia làm bốn loại nghĩa là năm, sáu, bảy, tám. Năm thức chỉ thật thiếu ba nghĩa khác, nếu theo ba tánh, thiện tánh như trước, Dị thực Vô ký hoặc dung chứa có tạp, như chịu thọ địa ngục v.v... lạc của Đăng lưu, như ở trong cõi người, thọ quả báo khổ khác nhau, căn cứ theo giới không tạp, thú tức là có tạp. Thức thứ sáu có hai, thật biến khắp ba cõi, thiếu thường hằng không tạp, căn cứ theo ba tánh nói Dị thực không tạp, vì trong địa ngục không phải lạc của Dị thực, ở trong cõi người không có khổ Dị thực. Thức thứ bảy nói bốn nghĩa đều có, nhưng chẳng phải thú sinh, vì sao như vậy?

Đáp: Có bốn giải thích: một là Bất cộng, nay căn cứ theo cộng thừa nhận lựa ra thể của thú sinh. Hai là gián đoạn, Thánh đạo, diệt định trong không khởi. Ba là chẳng phải nghiệp đã cảm, nghĩa là Dị thực đầy đủ bốn nghĩa mới là thú sinh.

**Luận nói:** Chẳng phải Dị thực, pháp thú sinh tạp loạn.

Nay lại giải thích rằng, Thức thứ bảy thiếu một, người có tánh khởi có tạp, căn cứ theo giới mà nói cũng thiếu thường hằng nghĩa, như sinh về cõi Dục khởi bình đẳng trí, người vô tánh là loại này. Lại theo thức rõ ràng không căn cứ theo nhãn, chỉ Thức thứ tám đầy đủ bốn nghĩa.

Hỏi: Nếu căn cứ theo Thức thứ sáu Dị thực không tạp, như Ương-quật-ma, A-xà-thế chuyển Dị thực ở nơi thọ khác, vì sao phải không tạp?

Đáp: Căn cứ theo năm thức nói, chẳng phải Thức thứ sáu.

Lại đã giải thoát trong thân Thánh nhân, không phải khổ Dị thực. Kinh nói có hiện ra nghiệp quả báo, nếu chẳng phải Vô học, Kiến đạo hoặc mất nhân không mất quả, nếu có khổ là Đăng lưu, tăng thượng

chẳng phải là Dị thực, như lạc của địa ngục.

**Luận:** Chỉ tâm của Dị thực và tâm sở kia thật thường hằng biến đổi không tạp là chánh thật thú sinh.

Hỏi: Thể của thú sinh chỉ nương theo tâm vương, cũng gồm cả tâm sở là thật hay giả?

Đáp: Có ba giải thích: một là chỉ nương theo tâm vương lập ra thể của thú sinh, đầy đủ bốn nghĩa, nếu nương theo tâm vương tâm sở, tức là sáu thú sinh có trái với lỗi trước, quyển này ban đầu nói một hữu tình có sáu thứ thể, thứ nhất Thức này đầy đủ làm giới thú sinh thể, không lao lực riêng chấp có thật mạng căn, cũng không được nói trong đây Thức nói cũng nhiếp tâm sở, luận kia nói rõ nghĩa của Duy thức, đây nêu ra thể của thú sinh.

Lại nếu thức này nói cũng nhiếp tâm sở, mạng căn cũng sẽ đồng nương theo chủng loại của tâm vương tâm sở, nên chỉ nương theo tâm vương lập ra thể thú sinh, Thức thứ bảy cũng nói, nhưng lập ra hữu tình, nương theo mạng căn số, hoặc thức Dị thực, nên biết không nhiều.

Vì sao luận nói: Chỉ thức Dị thực và tâm sở kia là chánh thật thú sinh?

Đáp: Đây là nói theo nương nhau, chính nhận lấy tâm vương, nếu không như vậy đồng với lỗi của sáu thức thể trước, đâu được vạy hỏi?

Hỏi: Tám câu, năm số, bốn khuyết, vì sao nghĩa chẳng phải hữu tình?

Đáp: Tám câu tuy đầy đủ, chủng loại có tạp có gián đoạn, căn cứ theo một trăm pháp lựa ra, không theo tương ưng, nếu không như vậy mạng căn và Chúng đồng phần, biến, hằng, không tạp đầy đủ làm thú sinh, vì sao cần phải thật? Một thuyết nói đồng nương theo tâm vương tâm sở lập làm thú sinh. Chánh biện này nói chỉ thức Dị thực tâm và tâm sở thật, hằng, biến không tạp là chánh thật thú sinh. Lại kết rằng, chánh thật thú sinh tức là chỉ Dị thực tâm và tâm sở, tâm kia, tâm sở là Thức thứ tám, lý không được thành tự.

Lại nữa tâm vương, tâm sở đồng dẫn nghiệp chiêu lấy, nhưng trước nói Thức này đầy đủ làm thể giới thú sinh, căn cứ theo thắng riêng nói vạy hỏi hữu tình kia nên có sáu thể, căn cứ theo sáu thọ huân tập sau sinh hiện thời nêu Thức thứ tám của sáu thể, kinh nói không có chỗ nào không dung chứa hai thức đều sinh, nên luận kia thành lỗi, không chướng ngại tâm vương tâm sở thọ đều một thể, nói là hữu tình.

Hỏi: Nếu như vậy, vì sao Thức thứ bảy nói nhưng lập ra hữu tình nương theo mạng căn số, hoặc thức Dị thực?

Đáp: Đồng một tụ nên gọi là một, hoặc theo tâm vương trội hơn nói thú sinh một. Một thuyết nói đồng nương theo tâm vương tâm sở chung lập là một, do đâu phải biết? Chuẩn theo trước không thừa nhận nhiều thể, chuẩn theo sau nương theo mạng căn số lập ra. Văn này lại nêu tâm vương tâm sở thuận theo trước sau, nếu như vậy thú sinh thể là giả.

Hỏi: Vì sao luận nói là chánh thật thú sinh?

Đáp: Chính lựa ra phương tiện hoặc nghiệp trung hữu, thật lựa ra biến kế vọng lập thú sinh, nay thú sinh thể này tuy là giả nương theo thật pháp lập ra nên nói thật, hằng, biến, không tạp.

Hỏi: Lý nào được biết thú sinh thể giả?

Đáp: Căn cứ theo Thức thứ bảy nói nhưng lập ra hữu tình, nương theo mạng căn số hoặc thức Dị thực, không chướng ngại năng y thú sinh thể giả.

Hỏi: Thú sinh thể một trăm pháp thuộc về pháp nào?

Đáp: Nương theo hai giải thích ban đầu, tức là thuộc về tâm, tâm pháp. Nếu nương theo thể sau tức là có hai giải thích: một là giả có ba thứ: một tướng đãi giả, như sắc dài v.v...; hai phân biệt vị, như tướng của sinh v.v...; ba tụ tập giả, tức là tùy theo thật nhiếp (là một Pháp sư giải thích). Nay nói thuộc về Bất tương ưng, Đại thừa thừa nhận nhiều không phải hai mươi bốn thứ, như Tùy phiền não. Vả lại căn cứ theo thắng thuyết nói là hai mươi bốn thứ, hoặc đồng phân nhiếp như pháp đồng phân, chỉ nói Chúng đồng phân. Vả lại, đối với tông khác, không lập ra thuyết pháp đồng phân. Nếu căn cứ theo luận rộng, nên chỉ nói rằng đồng phân, hoặc có Chúng đồng phân, trong Chúng đồng phân có chung có riêng, riêng đồng phân này tuy không phải giáo văn, lý cũng không mắc lỗi.

Hỏi: Trong giải thích chấp thọ, chuẩn theo luận Du-già v.v... đều có năm nhân, vì sao chỉ nêu ba nhân, không nói chẳng phải thiện, nhiễm và nghiệp sở dẫn?

Đáp: Có hai giải thích: một là trước nghiệp đã dẫn là nghĩa của tương tục trên, chẳng phải thiện, nhiễm là một loại nghĩa trên, cho nên không nói. Hai là cũng lựa ra Phật quả, tuy có chấp thọ mà chẳng phải nghiệp dẫn tuy là một loại, thừa nhận là thiện nên không nói hai.

Tây Minh nói: Một là hai tức là một loại nhiếp, hai là muốn hiển bày chấp thọ, chẳng phải cần năm nghĩa. Phật có chấp thọ, giải thích này là chính. Nếu như giải thích trước chỉ nói nhân v.v... không phải nghĩa như vậy, vì sao cần phải nói lại, ba của một loại v.v...



**Luận:** Thọ sinh mạng chung ắt sẽ tâm trụ, tán, chẳng phải định của vô tâm.

Hỏi: Nếu như vậy vì sao kinh Ma-ha Câu-sắc-sĩ-la nói La-hán nhập vào diệt định, mới hóa ra thân lửa đốt, nhập vào Vô dư Niết-bàn ư?

Đáp: Có hai giải thích: một là vì mong nguyện, nhập vào diệt định, trước khởi ý gia hạnh, nguyện hóa ra thân lửa đốt, mới nhập vào diệt định, chiết phục được sức của tâm, khiến cho suy tổn mới nhập vào Vô dư Niết-bàn. Nói tâm trụ, tán, chẳng phải định tâm, chẳng phải vô tâm, căn cứ theo thuyết không phải mong nguyện, hoặc căn cứ theo bậc Hữu học và thuyết Di sinh, không ngăn ngại bậc Vô học. Hai là nhập vào diệt định đã tổn hại chiết phục sức của tâm, xuất diệt định sau mới nhập vào Vô dư, nói nhập vào định tức là nhập vào Vô dư. Căn cứ theo thuyết phương tiện trước, đây tuy theo hai giải thích, căn cứ theo thuyết của Tiểu thừa, nếu Luận sư Đại thừa tuy nhập vào diệt định, có Thức thứ tám là tán chẳng phải định, hữu tâm chẳng phải vô. Nên luận này nói: Nếu không phải thức này sinh, tâm khi chết không nên có.

Hỏi: Nếu có Thức thứ tám, thừa nhận ở diệt định, được nhập vào Vô dư vì sao ở hữu tâm định, mà không phải chết?

Đáp: Theo thuyết không phải mong nguyện, hữu học v.v... mà nói. Vì sao như vậy? Không phải mong nguyện, định lực đã giữ gìn không phải chết. Lại chuẩn theo Đại thừa, tâm ngay khi chết, tâm ban đầu của Trung hữu vốn có tâm ban đầu, đều là Vô ký. Nhưng có một Luận sư nói: Tâm ban đầu của Trung hữu cùng với mạn tâm, là khởi ái tâm, vốn có tâm ban đầu cũng như vậy, vì sao biết? Vì luận Du-già sáu vị vô tâm, không nói sinh tử vị là vô tâm, chuẩn theo biết có Thức thứ sáu. Một Luận sư nói là tâm Vô ký, sáu vô tâm vị, không nói sinh tử thời, tức là thuộc về muộn tuyệt, không nói riêng, sư sau là chính.

**Luận:** Thức duyên danh sắc, danh sắc duyên thức.

Hỏi: Trong đây đã nói thức cùng với danh sắc là căn cứ chủng tử, hay là căn cứ hiện hành?

Đáp: Cả hai đều lỗi gì? Cả hai đều có lỗi.

Vì sao nếu căn cứ chủng tử thuyết, không nên vặn hỏi họ rằng: Yết-thức-lam thời không có năm thức, chủng tử thường hằng có, vì sao được nói rằng không? Nếu căn cứ theo hiện hành tức là chẳng phải chánh chi. Lại sơ sinh vị, một sát-na thời, Đại thừa tự thừa nhận, cũng không phải Thức thứ sáu, vì sao nói giống như bó lau đồng thời mà chuyển? Nếu nhận lấy Thức thứ bảy chẳng phải danh sắc chi?

Đáp: Danh sắc có hai: một là danh sắc đã nói trong mười hai chi; hai là danh sắc có khắp, nếu danh sắc trong mười hai chi, căn cứ theo thể là chủng tử nương theo nên phần vị cũng nói hiện hành, nên luận Thập Địa ghi: “Mười hai chi đều có tử thời quả thời”, lại trong chủng tử lại có chung riêng, như Thức thứ tám sau nói, nếu danh sắc rộng, chỉ nói rằng danh sắc chưa nhất định gọi là chi, nếu gọi là chi tức là thông với giả thật. Nay trong đây nói danh sắc chi rộng, danh trong thức chi, tức là Thức thứ bảy, tất cả thường có như hai bó lau nên tự không có lỗi.

Nhưng giải thích văn kinh này, tổng có bảy giải thích:

1. Luận sư Tát-bà-đa, như Số nói rõ.
2. Luận sư bản Kinh bộ, đồng giải thích của Hữu bộ.
3. Luận sư mật Kinh bộ, thừa nhận có ý thức vi tế, Yết-thức-lam thời thô thức làm tên gọi trong thức, tế thức là thức, như bó lau.
4. Bản Thượng tọa cũng chấp hai thức, thừa nhận đồng thời thời chuyển, giải thích đồng mật Kinh bộ.
5. Mật Thượng tọa, thô tế hai thức nhất định không phải câu thời, giải thích đại ý đồng với Nhất thiết hữu bộ.
6. Luận sư Đại chúng bộ, sáu thức đều chuyển nói như bó lau, căn cứ theo bảy ngày về sau, bảy ngày trước có năm thức, theo thuyết trường thời.

7. Luận sư Đại thừa, lại có ba giải thích:

- a. Nương theo luận này thuyết mười hai hữu chi sẽ khởi vị.
- b. Nương theo luận Du-già quyển 9 đã nói, lại có hai giải thích như Số nói rõ.
- c. Nương theo rộng nói rõ thuyết danh sắc chi. Nay ý của luận này, theo danh sắc rộng, không nương theo hai thuyết luận Du-già quyển 9 và duyên khởi sau, đều dụ không thành tựu.

Nhưng có giải thích rằng: Nương theo luận Du-già sau nói, trong danh chẳng phải ắt sẽ đầy đủ bốn uẩn, cũng nhận lấy bó lau mà làm dụ. Đây cũng không như vậy, đồng với lỗi của Thượng tọa v.v... Số tuy nói: Luận Du-già quyển 9 và quyển 2, ý giải thích đồng với luận này, ý cũng lấy Thức thứ bảy làm sinh trong thức, luận kia quyển 9 cũng nói: những luận khác cho rằng danh không ngăn ngại Thức thứ bảy; nên bó lau dụ thiện được thành lập.

Quán đối với duyên khởi, nhiễm tịnh thuận nghịch. Bốn mươi bốn trí, bảy mươi bảy trí v.v..., rộng như luận khác nói, nay chỉ lược qua.

Hỏi: Như hữu xứ nói quán duyên khởi chi đều là thức thoái hoàn vì sao?

Đáp: Nương theo nhiệm trong nghịch, ban đầu tu tập vị, làm ra An lập đế, gần gũi phương tiện quán làm ra thuyết như vậy.

Vì sao quán lão tử khổ, lão tử tập, lão tử diệt, lão tử thú diệt hành, cho đến tùy ứng trải qua quán các Đế? Do lão tử chi thuộc về khổ đế, ở trong duyên khởi, trước nghịch quán, vì ba thứ tướng quán lão tử chi: một là tế nhân duyên, hai là thô nhân duyên, ba chẳng phải bất định, cảm sinh nhân duyên. Tế nghĩa là ái, thủ, hữu, sinh tự thể gọi là thô, do hai sinh này mà có lão tử, đời đương lai lão tử tế sinh là nhân, pháp hiện tại lão tử thô sinh là nhân trừ thể cảnh hai sinh, còn lại định không thể cùng với quả của lão tử gọi là chẳng phải bất định. Tuy quán lão tử khổ đế đến ái, đối với bờ mé khổ sau đều là tập đế kia, chưa làm được vui vẻ đầy đủ, bèn quán lại sát tập nhân duyên sau hiện hành các khổ, nghĩa là nghịch quán khắp thọ, xúc, sáu xứ, danh sắc và thức, quán vị lai khổ là sẽ khổ đế, quán tập nhân sau là sẽ tập đế, quán đời vị lai khổ, tập đế do ai mà có, biết do từ tập đế trước đã sinh khởi, thức làm biên tế. Hiện pháp khổ có, tức là biết từ tập đế trước được sinh khởi, không phải quán lại. Đây nói do đâu mà có? Do có do thức, danh sắc, thí như bó lau triển chuyển tướng duyên không phải làm ra, cho nên quán sát đều thức thoái hoàn, nên không đến nơi hành, vô minh chi, như vậy quán sát khổ tập mười chi, kế quán diệt đế, từ lão tử cho đến vô minh. Vì sao sẽ diệt? Do không tạo vô minh khác là duyên tân hành chi, nên khổ kia mới diệt, lần lượt càng tìm cầu chứng diệt đạo này, nhờ xưa thầy trao cho pháp duyên khởi, thế gian chánh kiến khiến cho khởi hiện tiền, như vậy vài lần quán khiến cho thấy tăng trưởng, là nghịch quán nhiệm. Quán lão tử diệt và thú diệt hành tức là đến vô minh. Trong đây vả lại theo nhân vị lai hiện tại lão tử chi, lược không nói quá khứ lão tử và nhân, do tạo tác bốn Đế, nên hợp quán sát, nếu tạo tác bảy mươi bảy trí tức là ba đời quán khác nhau, hoặc căn cứ theo lão tử hiện tại, quán nhân gần xa, nhân đều quá khứ, tức là đến ái chi, nếu quán vị lai lão tử, từ hữu đến ái, nếu thọ đã trước là vị lai khổ, căn cứ theo đương lai khởi thứ lớp, không như vậy chủng tử chẳng phải triển chuyển duyên.

Hỏi: Hoặc có chỗ nói, từ quán vô minh đến sinh là dừng nghĩa là thế nào?

Đáp: Căn cứ theo căn cơ muốn đợ tìm nhân quả, lão tử không có quả chỉ đến sinh chi.

Hỏi: Hoặc có quán nghịch đến danh sắc chi, có nguyên nhân gì?

Đáp: Căn cứ theo nghiệp chủng gọi là thức chi, vì thức thuộc về danh sắc. Danh sắc danh thể trong luận có nhiều giải thích; hoặc bốn

uẩn là danh, như trong đây nói, hoặc ba uẩn là danh, tức là luận Tát- bà-đa v.v... hoặc Vô gián diệt ý nói là danh, luận Du-già quyển 9, hoặc thông với nhiễm ô, tức là văn này đúng, hoặc tịnh Vô ký, tức là mười hai chi sau, chế phục tánh gọi là chi, vì chỉ có nghiệp chiêu cảm.

